

CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH

Số: 571 /CBTT-CTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 26 tháng 3 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN
Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH
Mã chứng khoán: NQN
Trụ sở: Số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, Tp Hạ Long,
tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203 3835733

Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Văn Tuấn

Địa chỉ: Số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, Tp Hạ Long,
tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203 3820 591

Loại thông tin công bố: [x] Định kỳ.

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh
(kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 31/12/2023) đã được kiểm toán.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty:
<http://www.quawaco.com.vn> vào ngày 26/3/2024.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Phòng CĐCN (đăng website);
- Lưu: VT.

Người thực hiện công bố thông tin
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT



Vũ Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 555 /VB-CTN

Hạ Long, ngày 21 tháng 03 năm 2024

V/v giải trình LNST năm 2023 tăng hơn 10% so với năm 2022, ý kiến kiểm toán về dự án toà Chung cư Quawaco

Kính gửi:

- Sở Giao dịch chứng khoán TP Hà Nội;
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Thực hiện thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh xin giải trình kết quả sản xuất kinh doanh trên báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán tăng hơn 10% so với năm 2022 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch	Tỷ lệ %
1	Tổng doanh thu	781.380.226.406	655.503.426.749	125.876.799.657	16,1
2	Tổng chi phí	715.773.130.695	599.947.207.473	115.825.923.222	16,1
3	Lợi nhuận sau thuế	52.762.592.663	44.493.859.664	8.268.732.999	15,7

Nguyên nhân tăng: Trong năm 2023 tình hình kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ninh có nhiều thay đổi tích cực so với năm 2022, các công trình đầu tư mới hệ thống mạng lưới cấp nước phát huy hiệu quả nên sản lượng tiêu thụ nước máy của khách hàng tăng; Ngày 28/10/2022, UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 3145/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án giá nước sạch và biểu giá nước sạch sinh hoạt của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh đã góp phần tăng doanh thu hoạt động nước máy do đó tổng doanh thu tăng 16,11% so với năm 2022. Do đó lợi nhuận sau thuế năm 2023 tăng hơn 10% so với lợi nhuận sau thuế năm 2022.

Dự án Toà nhà chung cư Quawaco được UBND tỉnh Quảng Ninh đồng ý chủ trương cho phép Công ty Thi công và cấp nước Quảng Ninh (nay là Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh) được lập phương án xây dựng chung cư trên khu đất 1.959,0 m² tại Văn bản số 245/UBND-QLĐĐ ngày 12/01/2007. Ngày 17/11/2010 UBND tỉnh Quảng Ninh đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 22.121.000.161 cho dự án, trong đó: tổng mức đầu tư: 252.224 triệu đồng với

mục đích xây dựng chung cư để bán cho cán bộ công nhân viên và các đối tượng khác. Tiến độ thực hiện: khởi công Quý IV/2010; hoàn thành và đi vào hoạt động Quý IV/2013. Dự án đã được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt quy hoạch tổng thể mặt bằng 1/500, đảm bảo tính pháp lý. Ngày 21/01/2016, UBND thành phố Hạ Long đã có Quyết định số 233/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể mặt bằng tỷ lệ 1/500, điều chỉnh số tầng của toà nhà từ 16 tầng nổi 02 tầng hầm còn lại 11 tầng nổi và 01 tầng hầm.

Do tình hình thị trường bất động sản trầm lắng, dự án không thu hút được nguồn vốn của bên có nhu cầu mua nhà. Do vậy, Công ty không có đủ nguồn vốn để tiếp tục đầu tư dự án. Bên cạnh đó, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại Doanh nghiệp, trong đó tại điểm b và c, khoản 1, Điều 21 có quy định *“Doanh nghiệp nhà nước không được góp vốn hoặc đầu tư vào lĩnh vực bất động sản”; “Trường hợp doanh nghiệp nhà nước đã góp vốn, đầu tư vào các lĩnh vực quy định tại Điểm b khoản này không thuộc trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư phải thực hiện phương án cơ cấu lại và chuyển nhượng toàn bộ số vốn đã đầu tư theo quy định”*.

Dự án từ tháng 12/2013 đến nay dừng đầu tư, giá trị chi phí dở dang tại thời điểm 31/12/2022 được ghi nhận trên Báo cáo tài chính là 61.522.861.960 VND.

Ngày 13/12/2022, Công ty đã có Văn bản số 2178/CTN-QLĐT đề nghị UBND tỉnh Quảng Ninh (Chủ sở hữu) đồng ý đề xuất chủ trương cho Công ty được chấm dứt hoạt động đầu tư và trả lại đất thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có phiếu chuyển số: 6561/VP.UBND-PC ngày 16/12/2022, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/01/2023, Công ty đã nhận được Văn bản số 18/KHĐT-TTr ngày 04/01/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến đối với đề nghị của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh, trong đó: *“Thống nhất với Công ty tại Văn bản số 2178/CTN-QLĐT ngày 13/12/2022 về trình tự các bước thực hiện thủ tục tự chấm dứt hoạt động đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, điểm a khoản 2 Điều 57 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ và Thông tư 03/2021/TT-BKHĐT ngày 9/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư”*.

Trên cơ sở ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư, ngày 09/01/2023 Công ty tiếp tục có Văn bản 41/CTN-QLĐT gửi UBND tỉnh Quảng Ninh về việc đề xuất chủ trương chấm dứt hoạt động đầu tư dự án và trả lại đất thực hiện dự án toà nhà chung cư kết hợp dịch vụ Quawaco.

Ngày 24/02/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Văn bản 570/KHĐT-TTr báo cáo UBND tỉnh về việc chấm dứt hoạt động đầu tư dự án. Căn cứ các nội dung ý

kiến Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 1335/VP. UBND ngày 9/3/2023 về việc chấm dứt hoạt động đầu tư dự án toà nhà chung cư, trong đó có ý kiến “ Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh nghiên cứu ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư để triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến việc chấm dứt hoạt động đầu tư của dự án toà nhà chung cư kết hợp dịch vụ Quawaco đảm bảo các quy định của Pháp luật; trường hợp còn có nội dung vướng mắc, chữa rõ, Công ty chủ động làm việc trực tiếp với Sở Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn thực hiện theo quy định”.

Ngày 19/4/2023, Công ty đã làm việc trực tiếp với Sở Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn. Nội dung kết luận của buổi làm việc có nêu: “Căn cứ các quy định của Pháp luật nêu trên và Điều lệ tổ chức hoạt động, đề nghị Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh nghiên cứu việc xin ý kiến cơ quan đại diện Chủ sở hữu trước khi thực hiện tổ chức Đại hội Đồng cổ đông và biểu quyết tại Đại hội Đồng cổ đông về việc ban hành quyết định chấm dứt hoạt động đầu tư dự án”.

Ngày 16/6/2023, UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành văn bản số 1523/UBND-KTTC về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh, trong đó “đồng ý với đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh tham gia và biểu quyết tại Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2023. Yêu cầu Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh: ...sớm giải quyết dứt điểm tồn tại ở Dự án toà nhà chung cư Quawaco theo kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra.”

Ngày 20/6/2023, Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2019-2023 (phiên họp số 36) đã họp và thông qua Nghị quyết số 773-NQ/NK2-HĐQT về việc phê duyệt báo cáo tình hình thực hiện và đề xuất giải pháp giải quyết tồn tại của dự án: Toà nhà chung cư kết hợp dịch vụ Quawaco, đồng thời thống nhất giao đồng chí Hoàng Ngọc Hà – Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo phòng Quản lý đầu tư chủ trì phối hợp với các phòng Kế hoạch, Kỹ thuật, Kế toán tài chính, Chất lượng nước môi trường và Ban kiểm soát tiếp tục rà soát, hoàn thiện nội dung báo cáo tình hình thực hiện và giải pháp giải quyết tồn tại của dự án: Toà nhà chung cư kết hợp dịch vụ Quawaco đã được các Sở và UBND tỉnh thông qua, cho phép biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh năm 2023, sau khi Đại hội Đồng cổ đông thường niên biểu quyết tán thành, Công ty thực hiện báo cáo đề xuất xin ý kiến Chủ sở hữu đối với việc Công ty thực hiện tự chấm dứt hoạt động đầu tư dự án: Toà nhà chung cư kết hợp dịch vụ Quawaco, hoàn thành trước 30/7/2023. Nếu được UBND tỉnh chấp thuận, Công ty sẽ thực hiện các bước tiếp theo.

Ngày 24/6/2023, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty

cổ phần nước sạch Quảng Ninh biểu quyết 100% nhất trí thông qua báo cáo tình hình thực hiện, giải quyết tồn tại của dự án: Toà nhà chung cư kết hợp dịch vụ Quawaco.

Liên tiếp các ngày 8/12/2023 và 29/2/2024, Người đại diện vốn Nhà nước tại Công ty đã có văn bản số 2182/CTN-QLĐT và 430/CTN-QLĐT kính gửi UBND tỉnh Quảng Ninh đề xuất: (1) Chấp thuận chủ trương để Công ty tạm chấm dứt hoạt động đầu tư Dự án và triển khai các bước theo báo cáo số 2178/CTN-QLĐT ngày 13/12/2022 của Công ty và văn bản số 18/KHĐT-TTr ngày 04/01/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh; (2) Chỉ đạo Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh hướng dẫn Công ty thực hiện xử lý chi phí dở dang, tài sản trên đất của dự án phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo không làm thất thoát tài sản, vốn của nhà nước tại Công ty; (3) Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn Công ty thực hiện các thủ tục về đất, tài sản trên đất theo quy định pháp luật hiện hành.

Trên đây là giải trình của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh xin báo cáo Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Ủy ban chứng khoán Nhà nước biết./.

Trân trọng cảm ơn! *A*

Nơi nhận:

- Như kính gửi (b/c);
- HĐQT, BĐH Cty (p/h);
- Lưu: VT, KTT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH
QUẢNG NINH
T. HÀ LÔNG - T. QUẢNG NINH
M.S.D.N: 5700190709
CT, CP

[Signature]

Vũ Văn Tuấn


DN - BÁO CÁO NGOẠI BẢNG - MẸ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Nợ phải thu khó đòi	110	D (đồng)	1.358.577.436	753.278.050
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm	111	P (ĐỒNG)	605.299.386	0
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm	112	P (ĐỒNG)	0	0
2. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong nước	120	D (đồng)	43.290.195.616	97.117.723.389
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	121	D (đồng)	0	34.760.640.477
b) Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn còn lại	122		43.290.195.616	62.357.082.912
3. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn nước ngoài	130	D (đồng)	16.517.663.784	16.517.663.784
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	131	D (đồng)	16.517.663.784	16.517.663.784
b) Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn khác còn lại	132			
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong nước	140	D (đồng)	106.478.857.095	125.693.636.683
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD	141	D (đồng)	106.478.857.095	125.693.636.683
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	142			
c) Thuế tài chính dài hạn trong nước	143			
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác	144			
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn nước ngoài	150	D (đồng)	119.339.833.703	135.857.497.487
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ	151	D (đồng)	119.339.833.703	135.857.497.487
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh	152			
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả	153			
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)	154			
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại	155			
6. Nợ phải trả quá hạn	156			
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang	157	D (đồng)	12.443.585.847	13.978.660.412
8. Vốn điều lệ	200	D (đồng)	508.315.940.393	508.315.940.393
9. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	300	D (đồng)	151.223.216.263	127.143.878.708
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa	310	D (đồng)	137.536.650.223	113.652.835.040

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK	330			
c) Cổ tức, số lợi nhuận còn lại phát sinh phải nộp NSNN	350	P (Đồng)	13.686.566.040	13.491.043.668
10. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN	351	D (đồng)	148.843.425.742	128.678.953.273
- Lợi nhuận đã nộp NSNN	352	P (Đồng)	13.686.566.040	13.491.043.668
11. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyên năm sau	360	D (đồng)	14.823.376.368	12.443.585.847
12. Tổng quỹ lương	622	D (đồng)	219.630.812.025	211.199.161.297
13. Số lao động bình quân (người)	610		1.356	1.372
14. Tiền lương bình quân người/năm	623		161.969.625	153.935.248

Hạ long, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Lập biểu


Lê Thị Kiều

Kế toán trưởng



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ




Vũ Văn Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

- Kiểm toán
- Tư vấn Thuế
- Tư vấn Tài chính
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Audit
- Tax advisory
- Financial advisory
- Valuation

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH

Số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Hoàng Ngọc Hà	Thành viên
Ông Trịnh Văn Bình	Thành viên
Ông Trần Mạnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên
Bà Tô Thị Hằng Nga	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Long	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Ngọc Hà	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Mạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Đức	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Vũ Văn Tuấn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.


CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH

Số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, 



Vũ Văn Tuấn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 3 năm 2024

Số: 089 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 21 tháng 3 năm 2024 từ trang 05 đến trang 30 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ


Như đã trình bày tại Thuyết minh số 14, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang ngừng triển khai dự án Tòa nhà chung cư Quawaco từ ngày 27 tháng 3 năm 2014. Tổng chi phí đầu tư vào dự án này trên báo cáo tài chính của Công ty đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 61.522.861.960 VND (tương tự tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2023). Công ty đang tiếp tục làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết tình trạng dở dang của dự án này. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá giá trị tồn thất của dự án này (nếu có) và chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu liên quan đến khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.




Nguyễn Đức Tiên
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2024



Nguyễn Thị Huyền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3652-2021-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		101.507.043.975	79.386.669.909
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	70.608.136.927	34.231.966.451
1. Tiền	111		40.608.136.927	34.231.966.451
2. Các khoản tương đương tiền	112	4	30.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.032.829.425	19.525.733.188
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	2.460.132.330	2.097.686.615
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	1.831.300.659	13.450.917.869
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.099.973.872	4.730.406.754
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.358.577.436)	(753.278.050)
III. Hàng tồn kho	140	9	24.697.110.503	24.953.952.960
1. Hàng tồn kho	141		26.479.263.530	24.953.952.960
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.782.153.027)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		168.967.120	675.017.310
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	168.967.120	176.742.454
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	11	-	498.274.856
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		956.625.325.261	1.083.743.855.313
I. Tài sản cố định	220		869.256.311.876	1.002.947.117.062
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	868.087.280.554	1.001.876.468.093
- Nguyên giá	222		2.756.020.589.489	2.652.949.414.624
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.887.933.308.935)	(1.651.072.946.531)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.169.031.322	1.070.648.969
- Nguyên giá	228		7.159.436.651	6.569.418.133
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.990.405.329)	(5.498.769.164)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	80.750.864.224	74.324.794.630
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		61.522.861.960	61.522.861.960
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		19.228.002.264	12.801.932.670
III. Tài sản dài hạn khác	260		6.618.149.161	6.471.943.621
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	6.618.149.161	6.471.943.621
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.058.132.369.236	1.163.130.525.222

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		417.854.915.456	544.469.962.340
I. Nợ ngắn hạn	310		189.231.726.615	280.590.629.720
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	47.873.125.332	59.594.875.005
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	340.411.434	680.719.752
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	14.823.376.368	12.941.860.703
4. Phải trả người lao động	314		42.455.660.129	69.034.280.905
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	3.624.793.035	1.558.988.385
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	1.283.847.835	2.026.017.187
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	59.807.859.400	113.635.387.173
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		19.022.653.082	21.118.500.610
II. Nợ dài hạn	330		228.623.188.841	263.879.332.620
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	2.804.498.043	2.328.198.450
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	225.818.690.798	261.551.134.170
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		640.277.453.780	618.660.562.882
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	640.277.453.780	618.660.562.882
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		508.315.940.393	508.315.940.393
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		508.315.940.393	508.315.940.393
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		58.529.320.724	45.181.162.825
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		52.762.592.663	44.493.859.664
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		52.762.592.663	44.493.859.664
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		20.669.600.000	20.669.600.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.058.132.369.236	1.163.130.525.222



Vũ Văn Tuấn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Quảng Ninh, ngày 21 tháng 3 năm 2024

Tô Thị Hằng Nga
Kế toán trưởng

Lê Thị Hậu
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	780.739.085.199	653.998.151.019
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		780.739.085.199	653.998.151.019
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	622.440.220.710	513.187.128.760
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		158.298.864.489	140.811.022.259
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	314.838.174	63.281.582
7. Chi phí tài chính	22	26	27.542.622.767	28.186.855.480
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.542.622.767	28.186.855.480
8. Chi phí bán hàng	25	27	19.181.917	36.020.532
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	65.326.236.161	56.960.744.573
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		65.725.661.818	55.690.683.256
11. Thu nhập khác	31	28	326.303.033	1.441.994.148
12. Chi phí khác	32	29	444.869.140	1.576.458.128
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(118.566.107)	(134.463.980)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		65.607.095.711	55.556.219.276
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	12.844.503.048	11.062.359.612
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		52.762.592.663	44.493.859.664
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.038	875



Vũ Văn Tuấn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Quảng Ninh, ngày 21 tháng 3 năm 2024

Tô Thị Hằng Nga
Kế toán trưởng

Lê Thị Hậu
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	917.201.949.713	774.148.807.163
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(206.073.946.199)	(134.181.529.676)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(233.819.028.393)	(217.295.329.755)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(27.426.925.286)	(28.089.114.105)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(12.477.100.275)	(9.449.748.772)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	9.268.594.378	9.802.541.932
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(182.119.454.314)	(145.705.370.506)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	264.554.089.624	249.230.256.281
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(124.699.939.846)	(206.284.702.547)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	862.063.680
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	314.838.174	63.281.582
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(124.385.101.672)	(205.359.357.285)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	79.030.639.257	236.428.660.008
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(168.590.610.402)	(238.840.222.531)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.232.846.331)	(14.029.519.667)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(103.792.817.476)	(16.441.082.190)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	36.376.170.476	27.429.816.806
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	34.231.966.451	6.802.149.645
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	70.608.136.927	34.231.966.451



Vũ Văn Tuấn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Quảng Ninh, ngày 21 tháng 3 năm 2024


Tô Thị Hằng Nga
Kế toán trưởng


Lê Thị Hậu
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh Nước sạch Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5700100104 ngày 31 tháng 12 năm 2013 và thay đổi lần thứ 13 ngày 01 tháng 3 năm 2022 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh.

Trụ sở chính của Công ty tại số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.356 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.372 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác, sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;
- Quản lý dự án đầu tư cấp thoát nước trên địa bàn tỉnh;
- Đầu tư xây dựng các công trình cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường. Tổng thầu thực hiện các dự án cấp nước theo hình thức chìa khóa trao tay;
- Sản xuất, kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Lập quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật cấp thoát nước.

Hoạt động chính của Công ty là Sản xuất, kinh doanh nước sạch và thi công lắp đặt công nghệ và đường ống cấp nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp: Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp nước Đông Triều	Phường Đức Chính, TX. Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh doanh nước sạch
Xí nghiệp nước Uông Bí	Đường Quang Trung, TP. Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh doanh nước sạch
Xí nghiệp nước Quảng Yên	Phường Yên Giang, TX. Quảng Yên, Quảng Ninh	Kinh doanh nước sạch
Xí nghiệp nước Bãi Cháy	Phường Hùng Thắng, TP. Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh doanh nước sạch
Xí nghiệp nước Hồng Gai	Đường Nguyễn Văn Cừ, TP. Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh doanh nước sạch
Trung tâm Tư vấn Thiết kế Xây dựng Cấp thoát nước (i)	Đường Nguyễn Văn Cừ, TP. Hạ Long, Quảng Ninh	Tư vấn thiết kế
Nhà máy nước Diễn Vọng	Phường Quang Hanh, TP. Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh doanh nước sạch
Xí nghiệp nước Cẩm Phả	Đường Trần Phú, TP. Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh doanh nước sạch
Xí nghiệp nước Vân Đồn	Thị trấn Cái Rồng, huyện Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh doanh nước sạch
Xí nghiệp nước Miền Đông	Thị trấn Tiên Yên, huyện Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh doanh nước sạch
Xí nghiệp nước Móng Cái	Đường Nguyễn Du, TP. Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh doanh nước sạch
Ban Quản lý dự án Cấp nước Quảng Ninh	Đường Nguyễn Văn Cừ, TP. Hạ Long, Quảng Ninh	XD công trình cấp nước

Ghi chú:

Theo Nghị quyết số 776-NQ/NK2-HĐQT ngày 23 tháng 6 năm 2023, về việc phê duyệt chủ trương sáp nhập Trung tâm tư vấn thiết kế xây dựng và cấp thoát nước vào Phòng Kỹ thuật Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, việc sáp nhập đã hoàn tất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị khoảng 88 tỷ đồng. Tuy nhiên, mạng lưới cấp nước của Công ty liên tục mở rộng, doanh thu tăng trưởng tốt qua các năm, dòng tiền thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định. Thực tế, cơ sở hạ tầng tỉnh Quảng Ninh đang tiếp tục phát triển, nên mạng lưới cung cấp nước sạch cũng vì thế mà được mở rộng liên tục, vì vậy, giá trị đầu tư vào tài sản cố định của Công ty là lớn, tiềm năng tăng trưởng doanh thu của Công ty được đánh giá là tốt, mặt khác với đặc thù kinh doanh nước sạch thì dòng tiền rất ổn định, đảm bảo cho khả năng thanh toán nợ ngắn hạn. Bên cạnh đó, Công ty vẫn tiếp tục nhận được nguồn tín dụng từ các ngân hàng thương mại. Do đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng áp dụng giả định hoạt động liên tục cho việc lập báo cáo tài chính của Công ty là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được hạch toán giảm, khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với tài sản cố định là phương tiện vận tải truyền dẫn, máy móc thiết bị theo tỷ lệ 0,98 lần so với mức khấu hao theo khung đã lựa chọn, tổng giá trị khấu hao nhanh của các tài sản này khoảng 92 tỷ đồng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Phần mềm máy tính	03
Giấy phép và giấy nhượng quyền	03
Quyền phát hành	03
Tài sản cố định vô hình khác	03 - 05

Quyền sử dụng đất không trích khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm: Giá trị công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng từ 1 đến 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty. Ngoài ra, Công ty thực hiện theo dõi tiền đường trực dân góp trên phải trả người bán ngắn hạn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các bên liên quan (Tiếp theo)

Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh	Cổ đông chi phối
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	Lãnh đạo chủ chốt

4. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.368.574.387	1.605.116.574
Tiền gửi ngân hàng	39.239.562.540	32.626.849.877
Các khoản tương đương tiền (i)	30.000.000.000	-
Cộng	70.608.136.927	34.231.966.451

Ghi chú:

(i) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 01 tháng tại ngân hàng với lãi suất 2%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu của khách hàng sử dụng nước	1.863.451.555	1.259.938.620
Phải thu các đối tượng khác	596.680.775	837.747.995
Cộng	2.460.132.330	2.097.686.615

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng An Dương	571.515.950	-
Trung tâm Tư vấn Kiến trúc và Đầu tư Xây dựng (i)	360.741.000	360.741.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng BHD (i)	167.447.000	167.447.000
Công ty TNHH Cơ điện Hawaco	-	10.252.320.060
Các đối tượng khác	731.596.709	2.670.409.809
Cộng	1.831.300.659	13.450.917.869

Ghi chú:

(i) Đây là giá trị tạm ứng cho nhà thầu để triển khai dự án Tòa nhà chung cư Quawaco. Chi tiết về dự án được trình bày tại Thuyết minh số 14.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Phải thu vật tư tạm ứng thi công	1.667.006.065		2.844.333.445	
Thuế TNCN	985.028.758		659.717.310	
Tạm ứng	32.000.000		564.750.500	
Phải thu khác	415.939.049		661.605.499	
Cộng	3.099.973.872		4.730.406.754	

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Trung tâm tư vấn Kiến trúc và Đầu tư xây dựng Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Đầu tư xây dựng BHD	360.741.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Ban Mai	167.447.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Kiến trúc Đa Dụng	200.000.000	-	200.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng DCC	94.116.909	-	94.116.909	-
UBND phường Bãi Cháy	72.471.000	-	72.471.000	-
Ban Quản lý các Dự án công trình giao thông tỉnh Quảng Ninh	52.658.686	-	52.658.686	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thành Thắng - Cảng Cái Lân BC	42.427.042	-	42.427.042	-
Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Hưng Thịnh Phát	41.796.000	-	41.796.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Phương Đông	39.500.000	-	39.500.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Phương Đông	39.241.000	-	39.241.000	-
Trung tâm Phát triển Quỹ đất TP. Uông Bí	36.963.000	-	36.963.000	-
Các khách hàng khác	514.456.799	303.241.000	598.104.413	264.000.000
Cộng	1.661.818.436	303.241.000	1.017.278.050	264.000.000

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu (i)	26.127.075.997	(1.782.153.027)	24.529.611.427	-
Công cụ, dụng cụ	341.881.438	-	192.042.096	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.306.095	-	232.299.437	-
Cộng	26.479.263.530	(1.782.153.027)	24.953.952.960	-

Ghi chú:

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, khó có khả năng tiêu thụ với số tiền là 1.782.153.027 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	152.944.656	148.814.239
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	16.022.464	27.928.215
Cộng	168.967.120	176.742.454
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.647.562.664	4.842.528.374
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.970.586.497	1.629.415.247
Cộng	6.618.149.161	6.471.943.621

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số phải thu</u>	<u>Số phải trả</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Số phải thu</u>	<u>Số phải trả</u>
	đầu năm	đầu năm	trong năm	trong năm	cuối năm	cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	857.134.149	17.546.519.968	17.971.089.215	-	432.564.902
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.197.870.170	12.844.503.048	12.477.100.275	-	4.565.272.943
Thuế thu nhập cá nhân	-	530.981.756	1.684.821.104	1.467.242.072	-	748.560.788
Thuế tài nguyên	498.274.856	-	4.462.866.427	2.833.533.615	-	1.131.057.956
Tiền thuế đất	-	-	225.714.067	215.176.653	-	10.537.414
Thuế đất phi nông nghiệp	-	-	-	-	-	-
Phi bảo vệ môi trường	-	15.649.783	68.154.247	66.247.295	-	17.556.735
Thuế môn bài	-	-	14.000.000	14.000.000	-	-
Phi cấp quyền khai thác tài nguyên	-	-	4.254.948.964	4.254.948.964	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7.340.224.845	96.435.122.398	95.857.521.613	-	7.917.825.630
Cộng	498.274.856	12.941.860.703	137.536.650.223	135.156.859.702	-	14.823.376.368

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINHSố 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải,
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	655.127.028.773	383.244.527.396	1.609.098.706.647	5.479.151.808	2.652.949.414.624
- Mua trong năm	-	1.570.910.000	362.500.000	36.600.000	1.970.010.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	58.668.554.540	26.741.406.288	25.585.743.593	-	110.995.704.421
- Thanh lý, nhượng bán	-	(9.168.593.634)	(725.945.922)	-	(9.894.539.556)
- Trình bày lại	(52.872.012)	593.180.815	(540.308.803)	-	-
Số dư cuối năm	<u>713.742.711.301</u>	<u>402.981.430.865</u>	<u>1.633.780.695.515</u>	<u>5.515.751.808</u>	<u>2.756.020.589.489</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	389.333.605.501	291.358.037.835	966.365.749.969	4.015.553.226	1.651.072.946.531
- Khấu hao trong năm	35.091.504.684	36.440.500.986	174.705.179.389	394.738.630	246.631.923.689
- Thanh lý, nhượng bán	-	(9.168.593.634)	(602.967.651)	-	(9.771.561.285)
Số dư cuối năm	<u>424.425.110.185</u>	<u>318.629.945.187</u>	<u>1.140.467.961.707</u>	<u>4.410.291.856</u>	<u>1.887.933.308.935</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	<u>265.793.423.272</u>	<u>91.886.489.561</u>	<u>642.732.956.678</u>	<u>1.463.598.582</u>	<u>1.001.876.468.093</u>
Tại ngày cuối năm	<u>289.317.601.116</u>	<u>84.351.485.678</u>	<u>493.312.733.808</u>	<u>1.105.459.952</u>	<u>868.087.280.554</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 975.639.345.038 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 728.451.503.328 VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đang thế chấp các tài sản hình thành từ các dự án để bảo đảm cho các khoản vay tổ chức tín dụng, giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 413.166.748.967 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 487.396.668.350 VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINHSố 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải,
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền phát hành	Phần mềm máy vi tính	Giấy phép và giấy nhượng quyền	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	90.000.000	2.817.721.929	2.106.137.113	1.555.559.091	6.569.418.133
- Mua trong năm	-	590.018.518	-	-	590.018.518
Số dư cuối năm	90.000.000	3.407.740.447	2.106.137.113	1.555.559.091	7.159.436.651
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	90.000.000	2.091.269.215	1.761.940.858	1.555.559.091	5.498.769.164
- Khấu hao trong năm	-	296.814.571	194.821.594	-	491.636.165
Số dư cuối năm	90.000.000	2.388.083.786	1.956.762.452	1.555.559.091	5.990.405.329
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	-	726.452.714	344.196.255	-	1.070.648.969
Tại ngày cuối năm	-	1.019.656.661	149.374.661	-	1.169.031.322

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 4.113.048.943 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.966.652.571 VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đang thế chấp một số tài sản vô hình để bảo đảm cho các khoản vay tổ chức tín dụng, giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 113.383.086 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 231.362.366 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tòa nhà chung cư Quawaco	61.522.861.960	61.522.861.960	61.522.861.960	61.522.861.960
Cộng	61.522.861.960	61.522.861.960	61.522.861.960	61.522.861.960

Ghi chú:

Tòa chung cư QUAWACO tại đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh:

- Tổng dự toán công trình: 213.341.841.000 VND;
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn tự có của Công ty và các nguồn vốn khác;
- Mục đích đầu tư: Xây dựng chung cư để bán cho cán bộ công nhân viên và các đối tượng khác;
- Tổng chi phí dở dang đã tập hợp trên báo cáo tài chính của Công ty là 61.522.861.960 VND;
- Tình hình thực hiện: Dự án đã tạm ngừng triển khai từ ngày 27 tháng 3 năm 2014 để xin phê duyệt điều chỉnh quy hoạch. Ngày 21 tháng 01 năm 2016, Ủy ban Nhân dân thành phố Hạ Long đã ban hành Quyết định số 233/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể mặt bằng tỷ lệ 1/500 dự án này. Quy hoạch mới được phê duyệt đã điều chỉnh giảm số tầng của công trình từ 18 tầng xuống còn 12 tầng (gồm 11 tầng + 01 tầng hầm) và mở rộng diện tích mặt đất;

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, Công ty đã gửi Văn bản số 1315/CTN-KT tới UBND tỉnh Quảng Ninh. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh báo cáo về tiến độ thực hiện Dự án Tòa nhà chung cư Quawaco;

Công ty đã có Văn bản số 549/CTN-KH ngày 15 tháng 4 năm 2022 báo cáo UBND tỉnh Quảng Ninh về tình hình thực hiện dự án. Ngày 25 tháng 4 năm 2022, UBND tỉnh đã có Phiếu chuyển số 791/PC-UBND về việc chuyển văn bản của Công ty đến Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì lấy ý kiến các Sở Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Hạ Long nghiên cứu tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định. Ngày 07 tháng 6 năm 2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Văn bản số 2014/KHĐT-TĐGSĐT báo cáo UBND tỉnh Quảng Ninh ý kiến từ các sở ngành liên quan về một số nội dung đề nghị của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, Công ty có văn bản số 2178/CTN – QLĐT đề nghị UBND tỉnh Quảng Ninh đồng ý chủ trương cho Công ty được chấm dứt hoạt động đầu tư và trả lại đất thực hiện dự án. Ngày 16 tháng 12 năm 2022, UBND tỉnh đã có phiếu chuyển số 6561/VP.UBND-PC, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật. Ngày 09 tháng 3 năm 2023, Công ty nhận được Công văn số 1335/VP. UBND và văn bản số 570/KHĐT-TTr của UBND tỉnh Quảng Ninh và Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc chấm dứt hoạt động đầu tư dự án Toà chung cư kết hợp dịch vụ Quawaco.

Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ 2019 -2023 và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 24 tháng 6 năm 2023, Công ty đã họp và thông qua báo cáo tình hình thực hiện và đề xuất giải pháp giải quyết tồn tại của dự án toà chung cư. Công ty hiện đang tiếp tục báo cáo UBND tỉnh Quảng Ninh xin ý kiến về chủ trương chấp thuận cho Công ty thực hiện chấm dứt hoạt động đầu tư dự án. Sau khi dự án chấm dứt, Sở Tài chính sẽ hướng dẫn Công ty thực hiện thanh lý, xử lý chi phí dở dang của dự án và xác định giá trị quyền sử dụng đất, giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Nhà quản lý điều hành sản xuất Xí nghiệp nước Cẩm Phả	3.770.423.592	768.157.642
Đầu tư tuyến ống truyền tải D225+160+110 và tuyến ống dịch vụ cấp nước cho nhân dân xã Trảng Lương, Đông Triều	3.342.107.277	-
Nhà máy nước Khe Mai công suất 6.000m ³ /ngđ	1.951.479.324	1.396.523.611
Đầu tư tuyến ống HDPE D560 từ cầu bang đến cầu K67 tăng cường khả năng cấp nước KV phía Đông TP Hạ Long	1.199.526.296	283.431.636
Đầu tư ống D560 HDPE từ cầu Hùng Thắng 1 đến Nhà nghỉ Điều dưỡng 368 để tăng cường khả năng truyền tải nước	1.029.132.308	1.099.742.868
Đầu tư xây dựng Nhà máy nước Yên Lập công suất 26.000 m ³ /ngđ (giai đoạn 2)	922.327.819	922.327.819
Công trình khác	7.013.005.648	8.331.749.094
Cộng	<u>19.228.002.264</u>	<u>12.801.932.670</u>

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Cơ điện HAWACO	6.841.670.085	6.841.670.085	-	-
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Xanh	3.736.112.669	3.736.112.669	5.262.759.451	5.262.759.451
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Trường Giang	2.514.766.001	2.514.766.001	86.586.500	86.586.500
Công ty Cổ phần Thiết kế, Chế tạo thiết bị xử lý nước Pecom	2.419.153.700	2.419.153.700	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TNG	2.191.013.192	2.191.013.192	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Đông Đô	1.968.254.938	1.968.254.938	3.936.509.876	3.936.509.876
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Phát	806.187.063	806.187.063	2.133.252.765	2.133.252.765
Các đối tượng khác	27.395.967.684	27.395.967.684	48.175.766.413	48.175.766.413
Cộng	<u>47.873.125.332</u>	<u>47.873.125.332</u>	<u>59.594.875.005</u>	<u>59.594.875.005</u>

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ban quản trị tòa nhà chung cư The Sapphire Residence	109.250.000	-
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long	62.207.560	62.207.560
Các đối tượng khác	168.953.874	618.512.192
Cộng	<u>340.411.434</u>	<u>680.719.752</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	1.674.685.866	1.558.988.385
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	1.950.107.169	-
Cộng	<u>3.624.793.035</u>	<u>1.558.988.385</u>

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.283.847.835	2.026.017.187
Kinh phí công đoàn	3.606.851	331.603.215
Phải trả các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	55.744.916	91.099.400
Phải trả về phí dịch vụ môi trường rừng	381.560.348	598.676.000
Các khoản phải trả khác	842.935.720	1.004.638.572
b) Dài hạn	2.804.498.043	2.328.198.450
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.804.498.043	2.328.198.450
Cộng	<u>4.088.345.878</u>	<u>4.354.215.637</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINHSố 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải,
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**MÀU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	59.807.859.400	59.807.859.400	253.777.213.469	307.604.741.242	113.635.387.173	113.635.387.173
<i>Vay ngắn hạn</i>	-	-	<i>193.242.402.424</i>	<i>228.003.042.901</i>	<i>34.760.640.477</i>	<i>34.760.640.477</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Ninh	-	-	192.826.535.504	227.587.175.981	34.760.640.477	34.760.640.477
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Quảng Ninh	-	-	415.866.920	415.866.920	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>59.807.859.400</i>	<i>59.807.859.400</i>	<i>60.534.811.045</i>	<i>79.601.698.341</i>	<i>78.874.746.696</i>	<i>78.874.746.696</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Ninh (i)	25.722.153.212	25.722.153.212	25.467.993.012	42.843.779.800	43.097.940.000	43.097.940.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Quảng Ninh (ii)	16.517.663.784	16.517.663.784	16.517.663.784	16.517.663.784	16.517.663.784	16.517.663.784
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Ninh	-	-	-	2.528.400.000	2.528.400.000	2.528.400.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hạ Long	-	-	-	252.011.100	252.011.100	252.011.100
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Quảng Ninh (iii)	11.537.207.856	11.537.207.856	11.665.367.856	15.977.360.000	15.849.200.000	15.849.200.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Phạm Hùng (iv)	5.614.967.628	5.614.967.628	6.467.919.473	1.482.483.657	629.531.812	629.531.812
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Cẩm Phả (v)	415.866.920	415.866.920	415.866.920	-	-	-
b) Vay dài hạn	225.818.690.798	225.818.690.798	30.893.334.600	66.625.777.972	261.551.134.170	261.551.134.170
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Ninh (i)	24.062.004.700	24.062.004.700	5.200.000.000	25.467.993.012	44.329.997.712	44.329.997.712
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Quảng Ninh (ii)	119.339.833.703	119.339.833.703	-	16.517.663.784	135.857.497.487	135.857.497.487
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Ninh	-	-	-	6.090.966.927	6.090.966.927	6.090.966.927
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Quảng Ninh (iii)	56.086.836.000	56.086.836.000	1.200.000.000	11.665.367.856	66.552.203.856	66.552.203.856
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Phạm Hùng (iv)	24.666.548.715	24.666.548.715	22.414.000.000	6.467.919.473	8.720.468.188	8.720.468.188
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Cẩm Phả (v)	1.663.467.680	1.663.467.680	2.079.334.600	415.866.920	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH

Số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải,

Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Ghi chú (Tiếp theo):

- (i) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Quảng Ninh theo nhiều hợp đồng với lãi suất thả nổi khoảng 7,8%/năm đến 9,5%/năm, biên độ điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng; mục đích vay của từng hợp đồng phục vụ nâng cấp, đầu tư các dự án, cơ sở hạ tầng của Công ty. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Quảng Ninh là hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty Thi công và Cấp nước Quảng Ninh (tiền thân của Công ty) phục vụ đầu tư: “Dự án chống thất thoát nước các tuyến ống nước” và “Dự án cấp nước Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh thuộc dự án cấp nước và nước thải đô thị”; Công ty trả lãi cho Bộ Tài chính hàng năm với mức lãi suất lần lượt là 5,4% và 6,75% cộng phí cho vay lại là 0,2%/năm”. Hai khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Quảng Ninh theo nhiều hợp đồng với lãi suất thả nổi khoảng 7,5%/năm đến 9%/năm, biên độ điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng; mục đích vay của từng hợp đồng phục vụ nâng cấp, đầu tư các dự án, cơ sở hạ tầng của Công ty. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iv) Vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Phạm Hùng phục vụ đầu tư dự án “Xây dựng bể chứa nước sạch 4000m3 NMN Diễn Vọng” và dự án “Đầu tư: nâng công suất nhà máy nước Hoành Bồ từ 10.000 lên 20.000 m3/ngđ” với lãi suất thả nổi khoảng từ 6,9 % đến 7,4%/năm, biên độ điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (v) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Cẩm Phả phục vụ đầu tư tuyến ống HDPE D355 cấp nước cho KCN Bắc Tiên Phong. Thời hạn vay không quá 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với lãi suất trong hạn là 6,8%. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Các khoản vay và nợ dài hạn được trả theo lịch biểu như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	59.807.859.400	78.874.746.696
Trong năm thứ hai	45.793.284.588	67.073.929.543
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	99.274.896.402	86.142.713.806
Sau năm năm	80.750.509.808	108.334.490.821
Cộng	285.626.550.198	340.425.880.866
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (đã được trình bày trong vay ngắn hạn)	59.807.859.400	78.874.746.696
Số phải trả sau 12 tháng	225.818.690.798	261.551.134.170

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH

Số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải,

Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

Đơn vị: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	508.315.940.393	32.449.876.762	42.402.865.572	20.669.600.000	603.838.282.727
Lợi nhuận trong năm	-	-	44.493.859.664	-	44.493.859.664
Trích quỹ	-	12.731.286.063	(28.408.100.541)	-	(15.676.814.478)
Trả cổ tức	-	-	(13.994.765.031)	-	(13.994.765.031)
Số dư đầu năm nay	508.315.940.393	45.181.162.825	44.493.859.664	20.669.600.000	618.660.562.882
Lợi nhuận trong năm	-	-	52.762.592.663	-	52.762.592.663
Trích quỹ (i)	-	13.348.157.899	(30.261.013.333)	-	(16.912.855.434)
Trả cổ tức (i)	-	-	(14.232.846.331)	-	(14.232.846.331)
Số dư cuối năm nay	508.315.940.393	58.529.320.724	52.762.592.663	20.669.600.000	640.277.453.780

Ghi chú:

(i) Công ty thực hiện trích lập các quỹ và chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2023/NQ-ĐHCD ngày 24 tháng 6 năm 2023. Cụ thể như sau:

	<i>DVT: VND</i>
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	16.912.855.434
Trích quỹ đầu tư phát triển	13.348.157.899
Chi trả cổ tức (*)	14.232.846.331
Cộng	44.493.859.664

(*) Trong năm, Công ty đã chi trả toàn bộ bằng tiền khoản cổ tức này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700100104 thay đổi lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 01 tháng 3 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 508.315.940.393 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Cổ đông

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
UBND tỉnh Quảng Ninh	488.805.940.393	96,16%	488.805.940.393	96,16%
Cổ đông khác	19.510.000.000	3,84%	19.510.000.000	3,84%
Cộng	508.315.940.393	100%	508.315.940.393	100%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng + Cổ phiếu phổ thông	50.831.594	50.831.594
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + Cổ phiếu phổ thông	50.831.594	50.831.594

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông là 10.000 VND/Cổ phiếu.

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh để sử dụng với mục đích xây dựng trạm bơm, giếng, bể nước, khu xử lý nước... Theo các hợp đồng này, Công ty được miễn tiền thuê đất hoặc phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng.

Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	625.942.019	625.942.019

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu sản xuất nước sạch	751.527.736.178	627.609.583.564
Doanh thu phát triển mạng	10.339.707.339	11.238.118.529
Doanh thu nước uống tinh khiết	547.700.359	186.727.557
Doanh thu phí thoát nước	9.836.393.058	8.572.132.037
Doanh thu khác	8.487.548.265	6.391.589.332
Cộng	780.739.085.199	653.998.151.019

Ghi chú:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đã bù trừ doanh thu nội bộ và giá vốn nội bộ từ hoạt động tư vấn với số tiền 493.946.802 VND (năm trước là 878.802.756 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn sản xuất nước sạch	596.014.701.506	490.183.733.421
Giá vốn phát triển mạng	9.197.018.258	10.082.382.500
Giá vốn nước uống tinh khiết	523.175.205	275.931.607
Giá vốn phí thoát nước	9.296.699.657	8.241.631.220
Giá vốn khác	5.626.473.057	4.403.450.012
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.782.153.027	-
Cộng	<u>622.440.220.710</u>	<u>513.187.128.760</u>

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	88.255.377.414	54.756.741.904
Chi phí nhân công	241.329.206.499	227.841.237.803
Chi phí khấu hao tài sản cố định	246.986.898.895	190.047.787.305
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.074.243.281	96.409.427.951
Chi phí khác bằng tiền	1.636.159.193	742.639.398
Chi phí dự phòng	2.387.452.413	271.415.168
Cộng	<u>687.669.337.695</u>	<u>570.069.249.529</u>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	314.838.174	63.281.582
Cộng	<u>314.838.174</u>	<u>63.281.582</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	27.542.622.767	28.186.855.480
Cộng	<u>27.542.622.767</u>	<u>28.186.855.480</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	-	18.375.623
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.181.917	14.002.141
Các khoản chi phí bán hàng khác	-	3.642.768
Cộng	19.181.917	36.020.532
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	33.355.980.734	24.790.675.188
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.384.406.332	8.767.995.283
Chi phí dự phòng	605.299.386	-
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	22.980.549.709	23.402.074.102
Cộng	65.326.236.161	56.960.744.573

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Nhập vật tư thừa trong công tác kiểm kê	211.208.987	-
Thanh lý phế liệu	-	862.063.680
Các khoản khác	115.094.046	579.930.468
Cộng	326.303.033	1.441.994.148

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	1.270.430.521
Các khoản tiền phạt	384.863.879	-
Các khoản khác	60.005.261	306.027.607
Cộng	444.869.140	1.576.458.128

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	65.607.095.711	55.556.219.276
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế	1.071.820.030	778.397.108
Thu nhập tính thuế	66.678.915.741	56.334.616.384
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo thuế suất 20%	13.335.783.148	11.266.923.277
Thuế TNDN được giảm chi cho lao động nữ	(491.280.100)	(450.244.700)
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước	-	245.681.035
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	12.844.503.048	11.062.359.612

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo số thu nhập chịu thuế cho năm tài chính sau khi đã điều chỉnh các khoản như trình bày bên trên. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	52.762.592.663	44.493.859.664
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	52.762.592.663	44.493.859.664
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	50.831.594	50.831.594
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.038</u>	<u>875</u>

Ghi chú:

Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa có kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023, do đó, chưa có cơ sở để xác định các khoản điều chỉnh lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu cổ đông của năm 2023.

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VND/cổ phiếu.

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chỉ tập trung trong địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cấp nước và lĩnh vực xây lắp, lắp đặt các công trình phục vụ cho hoạt động cấp nước. Doanh thu từ lĩnh vực xây lắp, lắp đặt chiếm tỷ trọng nhỏ, do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

33. THÔNG TIN KHÁC

Theo Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn Nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020, Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh thuộc đối tượng dừng thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020 để rà soát, xây dựng phương án sắp xếp, thoái vốn trong giai đoạn 2021-2025.

Theo Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021-2025. Theo đó, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch thuộc nhóm Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 65% vốn điều lệ.

Theo quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025 thì Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh là doanh nghiệp giữ nguyên tỷ lệ vốn nhà nước là 96,16%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DU' VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Cổ tức đã trả		
UBND tỉnh Quảng Ninh	13.686.566.040	13.491.043.668

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát trong năm như sau:

<u>Thành viên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		VND	VND
Ông Vũ Văn Tuấn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	856.381.712	752.222.950
Ông Hoàng Ngọc Hà	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc	766.259.023	659.636.806
Ông Trịnh Văn Bình	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	742.401.666	644.857.160
Ông Trần Mạnh	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	669.293.422	579.757.064
Ông Nguyễn Thế Đức	Phó Tổng Giám đốc	644.871.904	515.943.388
Bà Tô Thị Hằng Nga	Thành viên Hội đồng Quản trị	684.355.456	534.857.625
Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên Hội đồng Quản trị	562.671.039	500.302.153
Ông Nguyễn Đức Long	Thành viên Hội đồng Quản trị	476.217.484	418.328.194
Bà Lê Thị Tâm	Trưởng Ban Kiểm soát	599.809.932	490.516.019
Bà Phạm Phương Dung	Thành viên Ban Kiểm soát	221.235.768	186.948.422
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Thành viên Ban Kiểm soát	-	89.302.895
Ông Phạm Duy Hiếu	Thành viên Ban Kiểm soát	226.418.205	171.726.163
Bà Lưu Thị Hiền	Thành viên Ban Kiểm soát	155.577.698	141.354.725



Vũ Văn Tuấn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Quảng Ninh, ngày 21 tháng 3 năm 2024

Tô Thị Hằng Nga
Kế toán trưởng

Lê Thị Hậu
Người lập biểu